**MẪU 3: KHẢO SÁT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NGÀNH DƯỢC TẠI CÁC CƠ SỞ KCB**

**Tỉnh/TP:** …………………………………………………………………………

**Tên cơ sở y tế:** …………………………………………………………………..

**Tên người cung cấp thông tin:** …………………………………………………

**Số điện thoại**: …………………………**Email:** …………………………………

1. **THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ KCB**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Thông tin về hoạt động KCB tại cơ sở | Năm 2018 | Năm 2019 |
|  | Hạng bệnh viện: | 1. Hạng đặc biệt 2. Hạng 1 3. Hạng 2 4. Hạng 3 5. Hạng 4 | 1. Hạng đặc biệt 2. Hạng 1 3. Hạng 2 4. Hạng 3 5. Hạng 4 |
|  | Tuyến y tế: | 1. TW 2. Tỉnh 3. Huyện | 1. TW 2. Tỉnh 3. Huyện |
|  | Tổng số giường bệnh kế hoạch: |  |  |
|  | Tổng số giường bệnh thực kê: |  |  |
|  | Tình hình KCB tại đơn vị |  |  |
| *5a* | *Tổng số lượt KCB ngoại trú:* |  |  |
| *5a1* | * *Trong đó, tổng số lượt KCB ngoại trú BHYT:* |  |  |
| *5b* | *Tổng số lượt điều trị nội trú:* |  |  |
| *5b1* | * *Trong đó, tổng số lượt điều trị nội trú BHYT:* |  |  |
|  | Tổng chi thường xuyên theo báo cáo tài chính (triệu đồng): |  |  |
| *6a.* | Tổng kinh phí được BHYT thanh toán của đơn vị (triệu đồng) |  |  |
|  | Tổng số cán bộ y tế của đơn vị: |  |  |
| *7a* | *Tổng số nhân lực dược, trong đó:* |  |  |
| *7a1* | * *Dược sĩ Đại học trở lên* |  |  |
| *7a2* | * *Dược sĩ Cao đẳng* |  |  |
| *7a3* | * *Dược sĩ Trung học* |  |  |
| *7b* | *Tổng số dược sỹ lâm sàng* |  |  |
| *7c* | *Tổng số cán bộ kiêm nhiệm dược lâm sàng tại BV* |  |  |

1. **CUNG ỨNG THUỐC TRONG BỆNH VIỆN**
   1. **Tính sẵn có của thuốc tại Bệnh viện**

| STT | Tên thuốc | Biệt dược gốc / thuốc Generic hoặc thuốc biệt dược có giá thấp nhất | Dạng bào chế | Nhà sản xuất | Nguồn gốc sản xuất  *1=Thuốc nội*  *2=Thuốc ngoại* | Tổng số ngày hết thuốc trong năm 2019 | Nếu hết thuốc thì có thuốc thay thế không?  *1=Có*  *2=Ko* | Đơn vị đóng gói nhỏ nhất | Đơn giá theo đơn vị đóng gói nhỏ nhất (đ) |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **6a** | **7** | 8 |
|  | Amoxicillin 500mg (nang/nén) | Clamoxyl | Viên nang | GSK | 2 |  |  | Viên |  |
|  |  |  |  |  |  | Viên |  |
|  | Amoxicillin 250mg, gói bột pha hỗn dịch uống | Clamoxyl | Hỗn dịch | GSK | 2 |  |  | Gói |  |
|  |  |  |  |  |  | Gói |  |
|  | Amoxicilin + Acid Clavulanic 500mg + 125 mg (nang/nén) | Augmentin | Viên nang | GSK | 2 |  |  | Viên |  |
|  |  |  |  |  |  | Viên |  |
|  | Amoxicilin + Acid Clavulanic 250mg + 62,5 mg, gói bột pha hỗn dịch uống | Augmentin | Hỗn dịch | GSK | 2 |  |  | Gói |  |
|  |  |  |  |  |  | Gói |  |
|  | Amitriptyline 25mg (nang/nén) | Tryptizol | Viên nén | MSD | 2 |  |  | Viên |  |
|  |  |  |  |  |  | Viên |  |
|  | Amlodipine 5mg (nang/nén) | Norvasc/Amlor | Viên nén | Pfizer | 2 |  |  | Viên |  |
|  |  |  |  |  |  | Viên |  |
|  | Albendazole 200mg (nang/nén) | Zentel | Viên nén | GSK | 2 |  |  | Viên |  |
|  |  |  |  |  |  | Viên |  |
| 1. 8 | Albendazole 400mg (nang/nén) | Zentel | Viên nén | GSK | 2 |  |  | Viên |  |
|  |  |  |  |  |  | Viên |  |
|  | Altorvastatin 20mg, (nang/nén) | Lipitor | Viên nén | Pfizer | 2 |  |  | Viên |  |
|  |  |  |  |  |  | Viên |  |
|  | Atenolol 50mg (nang/nén) | Tenormin | Viên nén | AZ | 2 |  |  | Viên |  |
|  |  |  |  |  |  | Viên |  |
|  | Captopril 25mg (nang/nén) | Capoten | Viên nén | BMS | 2 |  |  | Viên |  |
|  |  |  |  |  |  | Viên |  |
|  | Ceftriaxone tiêm 1g/lọ | Rocephin | Hỗn dịch | Roche | 2 |  |  | Lọ |  |
|  |  |  |  |  |  | Lọ |  |
|  | Cefutoxim tiêm 750mg | ZinaCef | Bột | GSK | 2 |  |  | Lọ |  |
|  |  |  |  |  |  | Lọ |  |
|  | Cefutoxim 500mg (nang/nén) | Zinat | Viên | GSK | 2 |  |  | Viên |  |
|  |  |  |  |  |  | Viên |  |
|  | Cephalexin 500mg (nang/nén) | Keflex | Viên nang | Eli Lilly | 2 |  |  | Viên |  |
|  |  |  |  |  |  | Viên |  |
|  | Co-trimoxazole hỗn dịch (200mg+40mg/5ml) | Bactrim | Hỗn dịch | Roche | 2 |  |  | Lọ |  |
|  |  |  |  |  |  | Lọ |  |
|  | Ciprofloxacin 500mg (nang/nén) | Ciprobay | Viên nén | Bayer | 2 |  |  | Viên |  |
|  |  |  |  |  |  | Viên |  |
|  | Diazepam 5mg (nang/nén) | Valium | Viên nén | Roche | 2 |  |  | Viên |  |
|  |  |  |  |  |  | Viên |  |
|  | Diclofenac 50mg (nang/nén) | Voltaren | Viên nén | Novartis | 2 |  |  | Viên |  |
|  |  |  |  |  |  | Viên |  |
|  | Enalapril 10mg (nang/nén) | Renitec | Viên nén | MSD | 2 |  |  | Viên |  |
|  |  |  |  |  |  | Viên |  |
|  | Furosemide 40mg (nang/nén) | Lasix | Viên nén | Sanofi-Aventis | 2 |  |  | Viên |  |
|  |  |  |  |  |  | Viên |  |
|  | Glibenclamide 5mg (nang/nén) | Daonil | Viên nén | Aventis | 2 |  |  | Viên |  |
|  |  |  |  |  |  | Viên |  |
|  | Gliclazide 80mg (nang/nén) | Diamicron | Viên nén | Servier | 2 |  |  | Viên |  |
|  |  |  |  |  |  | Viên |  |
|  | Ibuprofen 400mg (nang/nén) | Brufen | Viên nén | Abbott Indonesia | 2 |  |  | Viên |  |
|  |  |  |  |  |  | Viên |  |
|  | Ibuprofen 100mg/5ml hỗn dịch | Brufen | Hỗn dịch | Abbott Indonesia | 2 |  |  | Lọ |  |
|  |  |  |  |  |  | Lọ |  |
|  | Insulin 100UI/ml, lọ 10ml | Humulin N | Humulin | Eli Lilly | 2 |  |  | Lọ |  |
|  |  |  |  |  |  | Lọ |  |
|  | Meloxicam 7,5mg/15mg (nang/nén) | Mobic | Viên nén | Boehringer Ingelheim Pharma | 2 |  |  | Viên |  |
|  |  |  |  |  |  | Viên |  |
|  | Metronidazole 250mg (nang/nén) | Flagyl | Viên nén | Sanofi-Aventis | 2 |  |  | Viên |  |
|  |  |  |  |  |  | Viên |  |
|  | Metformin 500mg (nang/nén) | Glucophage | Viên nén | BMS | 2 |  |  | Viên |  |
|  |  |  |  |  |  | Viên |  |
|  | Nifedipine Retard 20mg (nang/nén) | Adalat Retard | Viên nén | Bayer | 2 |  |  | Viên |  |
|  |  |  |  |  |  | Viên |  |
|  | Omeprazole 20mg (nang/nén) | Prilosec/Losec | Viên nang | AZ | 2 |  |  | Viên |  |
|  |  |  |  |  |  | Viên |  |
|  | Oresol Gói pha 1lít | Không có | Gói bột | Công thức theo WHO |  |  |  | Gói |  |
|  |  |  |  |  |  | Gói |  |
|  | Oresol Gói pha 200ml | Không có | Gói bột |  |  |  |  | Gói |  |
|  | Paracetamol 500mg (nang/nén) | Panadol | Viên nén | GSK | 2 |  |  | Viên |  |
|  |  |  |  |  |  | Viên |  |
|  | Paracetamol Hỗn dịch 24 mg/ml (120mg/5ml) | Panadol | Hỗn dịch | GSK | 2 |  |  | Lọ |  |
|  |  |  |  |  |  | Lọ |  |
|  | Simvastatin 20mg (nang/nén) | Zocor | Viên nén | Merck | 2 |  |  | Viên |  |
|  |  |  |  |  |  | Viên |  |
|  | Salbutamol thuốc xịt 100 mcg/liều, thuốc xịt | Ventoline | Lọ xịt | GSK | 2 |  |  | Lọ |  |
|  |  |  |  |  |  | Lọ |  |
|  | Ranitidin 150mg (nang/nén) | Zantac Tablets | Viên nang | GSK | 2 |  |  | Viên |  |
|  |  |  |  |  |  | Viên |  |

**Một số lưu ý khi thu thập thông tin:**

1. *Thông tin cột 2: Đối với mỗi loại hoạt chất thực hiện kê 02 tên thuốc: Biệt dược gốc và Biệt dược có giá thấp nhất. Nếu cơ sở không có thuốc biệt dược gốc thì gạch chéo. Xác định tên thuốc Generic hoặc biệt dược có cùng hoạt chất, cùng hàm lượng và cùng dạng bào chế có mức giá thấp nhất tại thời điểm khảo sát. .*
2. *Thông tin cột 3: Ghi đúng dạng bào chế của thuốc (viên nang, viên nén, gói bột, hỗn dịch…)*
3. *Thông tin cột 4: Ghi đúng tên nhà sản xuất trên bao bì sản phẩm*
4. *Thông tin cột 5 – Nguồn gốc sản xuất: Thuốc nội là thuốc được sản xuất trong nước bao gồm là sản phẩm của các công ty trong nước và các sản phẩm liên doanh với nước ngoài; Thuốc ngoại là thuốc sản xuất ở nước ngoài được nhập khẩu vào Việt Nam có số đăng ký Visa nhập khẩu.*
5. *Thông tin cột 6: Tổng số ngày hết thuốc trong năm 2019: Thông tin này được lấy từ Thẻ kho tại Khoa Dược bệnh viện đối với từng loại thuốc tính từ ngày 01/01/2019 đến hết ngày 31/12/2019*
6. *Thông tin cột 6a: Nếu hết thuốc, thì có thuốc thay thế không?: Chỉ hỏi đối với thuốc có thời gian hết thuốc, hỏi cán bộ khoa dược trong thời gian thuốc đang hỏi hết thuốc thì bệnh viện có thuốc thay thế điều trị cho thuốc đó không? Nếu có ghi số 1, nếu không có ghi số 2.*
7. *Thông tin cột 7: Đơn vị đóng gói nhỏ nhất của sản phẩm: viên, gói, lọ…. (đã ghi cụ thể)*
8. *Thông tin cột 8: Giá thuốc do nhà thầu cung ứng theo đơn vị đóng gói nhỏ nhất*
   1. **Hoạt động bảo quản và cấp phát thuốc**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Công tác bảo quản thuốc tại bệnh viện theo Thông tư 36/2018/TT-BYT  *(Khoanh tròn vào các Phương án trả lời)* | | | |
|  | Các kho dược của bệnh viện đã đạt tiêu chuẩn GSP theo quy định tại Thông tư 36/2018/TT-BYT về thực hành tốt bảo quản thuốc và nguyên liệu làm thuốc chưa? | 1. Tất cả các kho dược của BV đã đạt GSP 2. Còn một số kho phụ chưa đạt GSP 3. Tất cả các kho dược của BV chưa đạt GSP   *(Nếu chọn PA 1 thì chuyển sang phần 3; Nếu chọn PA 2, 3 thì trả lời tiếp phần 2)* | |
|  | Nếu chưa đạt thì lý do tại sao? | 1. ………………………………………… 2. ………………………………………… 3. ………………………………………… 4. ………………………………………… 5. …………………………………………   *(Chuyển sang phần 5)* | |
|  | Bệnh viện đã thực hiện thông báo đáp ứng đạt tiêu chuẩn GSP chưa? | 1. Đã thông báo   Năm thông báo: ……… | 1. Chưa thông báo |
|  | Đánh giá mức độ tuân thủ GSP của bệnh viện? | 1. Mức độ 1: Cơ sở không có tồn tại nghiêm trọng và tồn tại nặng. 2. Mức độ 2: Cơ sở không có tồn tại nghiêm trọng và có tồn tại nặng. 3. Mức độ 3: Cơ sở có tồn tại nghiêm trọng. | |
| 4a. | Kết quả đánh giá trên do ai thực hiện? | 1. Tự bệnh viện 2. Sở Y tế 3. Cục Quản lý Dược 4. Khác (Ghi rõ)…………………………… | |
|  | Tồn tại cụ thể của công tác bảo quản thuốc tại Bệnh viện là gì? | ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………… | |

1. **SỬ DỤNG THUỐC**

***Đơn vị: triệu đồng***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | THÔNG TIN GIÁ TRỊ TIỀN THUỐC | Năm 2018 | Năm 2019 |
|  | Tổng giá trị thuốc sử dụng của bệnh viện: |  |  |
|  | * *Trong đó, giá trị thuốc được BHYT thanh toán* |  |  |
| *1a* | *Giá trị thuốc ngoại nhập:* |  |  |
|  | * *Trong đó, giá trị thuốc được BHYT thanh toán* |  |  |
| *1b* | *Giá trị thuốc sản xuất trong nước* |  |  |
|  | * *Trong đó, giá trị thuốc được BHYT thanh toán:* |  |  |
|  | Tổng giá trị thuốc từ dược liệu |  |  |
|  | Tổng giá trị thuốc biệt dược gốc |  |  |

1. **HOẠT ĐỘNG DƯỢC LÂM SÀNG**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| * 1. Điều kiện về Nhân lực và Cơ sở vật chất (Khoanh tròn vào các Phương án trả lời) | | | |
|  | Đơn vị có bộ phận dược lâm sàng hoặc cán bộ dược chuyên trách dược lâm sàng không? | 1. Có | 1. Không |
|  | Nếu có, cán bộ dược lâm sàng có thường xuyên được đào tạo và cập nhật thông tin về dược lâm sàng hay không? | 1. Có | 1. Không |
|  | Hình thức đào tạo (Ghi rõ) | .................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... | |
|  | Cơ sở dữ liệu để tra cứu tại bệnh viện? | 1. Dược thư quốc gia Việt Nam 2. Tương tác thuốc và chú ý khi chỉ định 3. Dược điển Việt Nam 4. Dược động học – những kiến thức cơ bản 5. Hướng dẫn sử dụng kháng sinh 6. Cây thuốc và động vật làm thuốc tại Việt Nam 7. Cẩm nang điều trị nội khoa 8. Dược lâm sàng 9. Các hướng dẫn điều trị, phác đồ điều trị do BYT ban hành 10. Khác (Ghi rõ): ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………… | |
| * 1. Các hoạt động dược lâm sàng tại đơn vị | | | |
|  | Phân tích, đánh giá tình hình sử dụng thuốc | 1. Có | 1. Không |
|  | Xây dựng quy trình chuyên môn liên quan đến sử dụng thuốc: | 1. Có | 1. Không |
| 2a. | Nếu có, bao gồm những quy trình nào? | 1. Quy trình pha chế thuốc 2. Hướng dẫn điều trị 3. Quy trình kỹ thuật của bệnh viện | |
|  | Xây dựng quy trình giám sát sử dụng thuốc? | 1. Có | 1. Không |
|  | Hướng dẫn giám sát, cảnh báo việc sử dụng thuốc? | 1. Có | 1. Không |
|  | Theo dõi, giám sát phản ứng có hại của thuốc | 1. Có | 1. Không |
| 5a. | Nếu có, định kỳ bao nhiêu lâu 1 lần |  | |
| 5b. | Khó khăn, vướng mắc (Ghi rõ) | ............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ | |
|  | Tham gia hội chẩn chuyên môn | 1. Có | 1. Không |
|  | Tham gia bình ca lâm sàng (bình bệnh án) | 1. Có | 1. Không |
|  | Giám sát việc tuân thủ quy trình sử dụng thuốc | 1. Có | 1. Không |
|  | Nếu chưa triển khai công tác dược lâm sàng tại BV, BV có kế hoạch và lộ trình triển khai công tác dược lâm sàng tại bệnh viện không? | 1. Có   Năm dự kiến: …… | 1. Không |
| * 1. Hoạt động Hội đồng thuốc và điều trị tại bệnh viện | | | |
|  | Hội đồng thuốc và điều trị tại bệnh viện có bao nhiêu thành viên? | ……………………………………… | |
|  | Hội đồng họp định kỳ bao nhiêu lâu 1 lần? | ……………………………………… | |
|  | Hội đồng thuốc và điều trị tại Bệnh viện thực hiện những nội dung nào sau đây? | 1. Xây dựng các quy định về quản lý và sử dụng thuốc trong bệnh viện 2. Xây dựng danh mục thuốc dùng trong bệnh viện 3. Xây dựng và thực hiện các hướng dẫn điều trị 4. Xác định và phân tích các vấn đề liên quan đến sử dụng thuốc 5. Giám sát phản ứng có hại của thuốc (ADR) và các sai sót trong điều trị 6. Thông báo, kiểm soát thông tin về thuốc 7. Khác (Ghi rõ) …………………..   …………………………………. | |
|  | Hội đồng thực hiện sơ kết, tổng kết và báo cáo định kỳ bao nhiêu lâu 1 lần? | ……………………………………… | |
|  | Khó khăn, vướng mắc trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng thuốc (Ghi rõ) | ................................................................................................................................................................................................................................................................................... | |

1. **ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuốc Bệnh viện (Khoanh tròn vào các Phương án trả lời) | | | |
|  | Đơn vị có phần mềm quản lý những nội dung nào sau đây? | 1. Quản lý xuất nhập thuốc 2. Theo dõi tồn kho 3. Điều kiện bảo quản thuốc 4. Quản lý cấp phát thuốc cho bệnh nhân 5. Quản lý thông tin thuốc, hóa chất, VTTH 6. Theo dõi phản ứng có hại của thuốc 7. Theo dõi tương tác thuốc 8. Khác (Ghi rõ): ………………………….. | |
|  | Đơn vị có thực hiện kê đơn thuốc điện tử không? | 1. Có | 1. Không |
| 2a. | Tỷ lệ kê đơn thuốc điện tử trong bệnh viện? *(Ghi số liệu cụ thể vào cột bên)* | ………………………%…..... | |
| 2b. | Việc kê đơn thuốc điện tử có kết nối vào CSDL dược quốc gia theo Chỉ thị 23/CT-TTg không? | 1. Có | 1. Không |